| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Công Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Khắc Hoàn

Bà Vũ Thị Thanh

***- Thư ký phiên toà***: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn I, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh Đỗ Đình T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn I, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về tình cảm: chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/5/2014. Trước khi kết hôn, chị L và anh T có một thời gian tìm hiểu nhau, sau khi chung sống một thời gian hạnh phúc, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Hiện tại chị L và anh T đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay, chị L thấy bản thân

không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình T có 02 con chung là Đỗ Quốc B, sinh ngày 14/5/2016 và Đỗ Xuân P, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay hai con chung đã được chị L đưa về nuôi dưỡng. Quan điểm về con chung sau ly hôn của chị L: chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị L trình bày chị và anh T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Đình T mặc dù đã được Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần, nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L, cũng không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng đối với anh Đỗ Đình T theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại nơi cư trú của anh T và chị L, ông Đặng Văn Q - Trưởng thôn 9, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cho biết: Chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình T đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/5/2014. Trước khi kết hôn, chị L và anh T có một thời gian tìm hiểu nhau, sau khi chung sống một thời gian hạnh phúc, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Hiện nay chị L và anh T đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Về việc chị Lê Thị L xin ly hôn với anh Đỗ Đình T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình T có 02 con chung là cháu: Đỗ Quốc B, sinh ngày 14/5/2016 và cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay hai cháu đã được chị L đưa về ngoại nuôi dưỡng. Nếu chị L và anh T không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của con chung cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao con cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung của chị L và anh T địa phương không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến đối với cháu Đỗ Quốc B ngày 12/4/2024, cháu B có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ là chị Lê Thị L.

Nguyên đơn là chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là anh Đỗ Đình T và giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung; anh Đỗ Đình T được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư

ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L: cho chị L được ly hôn anh Đỗ Đình T; về con chung: giao các con chung Đỗ Quốc B, sinh ngày 14/5/2016 và Đỗ Xuân P cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đỗ Đình T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không đề cập; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Đình T; chị L và anh T đều có nơi cư trú tại thị xã Q, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đỗ Đình T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Ngày 15/7/2024, nguyên đơn là chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 17/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhau tại thôn I, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Về cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, hiện tại hai người đã sống ly thân. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hòa giải được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau.

Lời khai của chị Lê Thị L phù hợp với biên bản xác minh tại khu phố nơi chị L và anh T cư trú về mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc của tòa án nhiều lần nhưng anh T vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì. Điều này thể hiện anh T cũng không có mong muốn hòa giải đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị L, cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình T có 02 con chung là Đỗ Quốc B, sinh ngày 14/5/2016 và Đỗ Xuân P, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay hai con chung đã được chị L đưa về nuôi dưỡng.

Quan điểm về con chung sau ly hôn của chị L: chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng con chung.

Anh Đỗ Đình T vắng mặt, không có quan điểm về con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Quan điểm của chị L là phù hợp với nguyện vọng của con chung; anh T hiện vắng mặt, không có quan điểm, nên chấp nhận yêu cầu về con chung của chị L.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị L trình bày là không có, nên không xét. Do anh Đỗ Đình T không tham gia tố tụng, nên anh T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung, khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị L được ly hôn với anh Đỗ Đình T.

2. Về con chung: giao con chung Đỗ Quốc B, sinh ngày 14/5/2016 và Đỗ Xuân P, sinh ngày 18/6/2018 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đỗ Đình T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: chị Lê Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0003845 ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND X. Sông Khoai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Huy**